**Báo cáo kết quả tự đánh giá Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia “Nghiên cứu nguyên nhân và xây dựng quy trình công nghệ cảnh báo, dự báo hiện tượng mực nước biển dâng dị thường tại miền Trung và Nam Bộ Việt Nam”, Mã số: ĐTTĐL-CN.35/15**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:** *Nghiên cứu nguyên nhân và xây dựng quy trình công nghệ cảnh báo, dự báo hiện tượng mực nước biển dâng dị thường tại miền Trung và Nam Bộ Việt Nam.*

1. Tên nhiệm vụ, mã số: ĐTTĐL-CN.35/15

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):* Đề tài độc lập cấp quốc gia

- Khác *(ghi cụ thể)*:

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

1. Xác định được nguyên nhân gây mực nước biển dâng dị thường tại miền Trung và Nam Bộ Việt Nam.

2. Xây dựng được quy trình công nghệ cảnh báo, dự báo mực nước biển dâng dị thường tại miền Trung và Nam Bộ Việt Nam.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Trần Quang Tiến

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm Ứng dụng công nghệ khí tượng thủy văn.

5. Tổng kinh phí thực hiện: 6, 700 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 6, 700 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 11/2015

Kết thúc: 10/2018

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Trần Quang Tiến | TS | Trung tâm dự báo KTTV quốc gia |
| 2 | Nguyễn Bá Thủy | TS | Trung tâm dự báo KTTV quốc gia |
| 3 | Đinh Văn Mạnh | PGS, TS | Viện Cơ học |
| 4 | Nguyễn Minh Huấn | PGS, TS | Trường Đại học KHTN |
| 5 | Nguyễn Kiên Dũng | PGS, TS | Trung tâm Ứng dụng công nghệ KTTV |
| 6 | Trần Hồng Lam | TS | Trung tâm hải văn |
| 7 | Nguyễn Xuân Hiển | TS | Viện Khoa học KTTV và BĐKH |
| 8 | Võ Văn Hòa | TS | Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ |
| 9 | Nguyễn Đăng Quang | TS | Trung tâm dự báo KTTV quốc gia |
| 10 | Bùi Xuân Thông | PGS, TS | Chuyên gia |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

a) **Sản phẩm dạng II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Khối lượng** | **Chất lượng** |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Bộ cơ sở dữ liệu nước biển dâng khu vực nghiên cứu (Báo cáo tổng quan các nghiên cứu đã công bố liên quan đến lĩnh vực mực nước dâng dị thường; số liệu địa hình khu vực nghiên cứu; số liệu gió, khí áp, mực nước và sóng biển thu thập trong quá khứ và số liệu khảo sát, đo đạc bổ sung (gió, khí áp và mực nước). |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 2 | Kết quả xác định nguyên nhân gây mực nước biển dâng dị thường tại khu vực miền Trung và Nam Bộ Việt Nam (tại Phú Yên, cửa sông Sài Gòn, Trà Vinh và Cà Mau). |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 3 | Báo cáo đề xuất mạng lưới quan trắc mực nước biển dâng dị thường tại miền Trung và Nam Bộ (tại Phú Yên, cửa Sông Sài Gòn, Trà Vinh và Cà Mau). |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 4 | Hệ thống mô hình cảnh báo, dự báo mực nước biển dâng dị thường cho khu vực miền Trung và Nam Bộ Việt Nam (tại Phú Yên, cửa sông Sài Gòn, Trà Vinh và Cà Mau). |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 5 | Quy trình công nghệ, giám sát, cảnh báo, dự báo mực nước biển dâng dị thường (công nghệ dự báo nước dâng do gió mùa và công nghệ cảnh báo nước dâng dị thường do nhiễu động khí áp) cho khu vực miền Trung và Nam Bộ (Tuy Hòa-Phú Yên, Cửa sông Sài Gòn, Trà Vinh và Cà Mau). |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 6 | Báo cáo kết quả kiểm chứng mô hình với số liệu quá khứ, kết quả dự báo thử nghiệm và đào tạo. |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 7 | Báo cáo tổng kết đề tài |  | X |  |  | X |  |  | X |  |

**b) Dạng III: Bài báo; đăng ký sở hữu trí tuệ và đào tạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Khối lượng** | **Chất lượng** |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | 04 bài báo đăng trên tạp chí Quốc gia  | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 2 | 02 bài Hội thảo trong nước |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 3 | 01 bài báo trên Hội thảo Quốc tế  | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 4 | 01 bài báo trên tạp chí Quốc tế | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 5 | Đăng ký sở hữu trí tuệ: Quy trình công nghệ cảnh báo, dự báo mực nước biển dâng dị thường tại Việt Nam |  | X |  |  | X |  |  | X |  |
| 6 | 02 Thạc sỹ (Hải dương học/Khí tượng, khí hậu) | X |  |  |  | X |  |  | X |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Quy trình công nghệ, giám sát, cảnh báo, dự báo mực nước biển dâng dị thường (công nghệ dự báo nước dâng do gió mùa và cảnh báo nước dâng dị thường) | Tháng 11/2018 | - Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia.- Đài KTTV Khu vực Nam Bộ.- Đài KTTV Khu vực Nam Trung Bộ.- Đài KTTV Khu vực Trung Trung Bộ. | Đã chuyển giao công nghệ |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Quy trình công nghệ, giám sát, cảnh báo, dự báo mực nước biển dâng dị thường (công nghệ dự báo nước dâng do gió mùa và cảnh báo nước dâng dị thường) | Tháng 10/2018 | - Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia.- Đài KTTV Khu vực Nam Bộ.- Đài KTTV Khu vực Nam Trung Bộ Bộ.- Đài KTTV Khu vực Trung Trung Bộ Bộ. | Ứng dụng tại Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia từ tháng 1/2018. |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

 - Đã xác định được nguyên nhân gây nước dâng dị thường tại ven biển miền Trung và Nam Bộ.

 - Đã xây dựng được quy trình công nghệ dự báo nước dâng do gió mùa tại ven biển Nam Bộ và cảnh báo nước dâng dị thường tại ven biển miền Trung.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

 Tìm hiểu được nguyên nhân, sau đấy xây dựng quy trình công nghệ dự báo, cảnh báo nước dâng dị thường tại ven biển miền Trung và Nam Bộ để phục vụ cảnh báo, dự báo hiện tượng mực nước biển dâng cao, nhất là trong các đợt triều cường sẽ giúp ích cho công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giảm tối thiểu thiệt hại về người và kinh tế cho những khu vực bị ảnh hưởng của nước dâng dị thường như ven biển miền Trung và Nam Bộ Việt Nam.

3.2. Hiệu quả xã hội

 Quy trình công nghệ dự báo, cảnh báo nước dâng dị thường tại ven biển miền Trung và Nam Bộ để phục vụ cảnh báo, dự báo hiện tượng mực nước biển dâng cao, nhất là trong các đợt triều cường sẽ giúp ích cho công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giảm tối thiểu thiệt hại về người và kinh tế rất có ý nghĩa về hiệu quả trong xã hội. Quy trình công nghệ có thể áp dụng cho những khu vực khác của ven biển Việt Nam nên có tính lan tỏa về hiệu quả xã hội.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | X |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | [ ]  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* [ ]

 *- Đạt X*

 *- Không đạt* [ ]

Giải thích lý do:.....................................................................................................................................................................................

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*)**TS. Trần Quang Tiến** | **THỦ TRƯỞNG****TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)**Nguyễn Nam Thành** |